

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 8 - 2024
“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình, ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Anh, ông Phạm Phước Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm My, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/2024/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 về “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147A/2024/QĐXXST-HN ngày 25/7/2024 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thúy H, sinh năm 1989, nơi cư trú: Số A, tổ A, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Huỳnh Thiện Chí T, sinh năm 1989, địa chỉ: Số D, khóm A, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H trình bày:

Bà và ông T tự tìm hiểu yêu thương chung sống với nhau vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố C, theo giấy chứng nhận kết hôn số 105, ngày 16/6/2022. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, nguyên nhân do ông T thường xuyên cờ bạc và không quan tâm chăm sóc gia đình. Trong thời gian chung sống, bà và ông T có sinh 01 con chung tên Huỳnh Phan Minh B, sinh ngày 17/02/2024.

Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông T. Yêu cầu được nuôi dạy con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi dạy con chung. Tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T vắng mặt không có lý do.

Kết quả xác minh tại B, phường C, thành phố C được biết: Ông T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số D, khóm A, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; hiện ông T đi làm xa (đi đi về về) nên không thường xuyên sinh sống tại địa phương; về hôn nhân của ông T thì không rõ.

Tòa án tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải giữa các đương sự, tuy nhiên ông T vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn với ông T. Về con chung, đề nghị giao bà H tiếp tục nuôi dạy con chung; ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không đề cập.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bà H được nuôi dạy con chung; ông T không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố C. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng ông T đã không thường xuyên sinh sống ở nhà, không quan tâm đến vợ, con. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân của bà H và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung tên Huỳnh Phan Minh B, sinh ngày 17/02/2024, từ khi sinh ra đến nay, cháu B sống cùng với bà H. Bà H có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà H, giao cháu B cho bà H tiếp tục nuôi dạy cho đến khi trưởng thành và có khả năng lao động.

Bà H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thúy H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thúy H, sinh năm 1989 được ly hôn ông Huỳnh Thiện Chí T, sinh năm 1989.

2. Về con chung: Bà Phan Thị Thúy H được tiếp tục nuôi dạy con chung Huỳnh Phan Minh B, sinh ngày 17/02/2024 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Ông Huỳnh Thiện Chí T không cấp dưỡng nuôi con.

Bà H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Phan Thị Thúy H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003527 ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; bà H đã nộp đủ án phí.

Ông Huỳnh Thiện Chí T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương